

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 09 năm 2020



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 201 - 203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiên Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Đoàn Hồng Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên	Từ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Hoàng Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiên Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 10 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

				Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,154,614,258,082	2,287,553,965,106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		212,149,237,323	131,057,291,125
1. Tiền	111	5	51,555,949,652	131,057,291,125
2. Các khoản tương đương tiền	112		160,593,287,671	-
II. Các khoản phải thu	130		1,089,333,120,339	584,637,877,626
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	1,073,307,934,045	550,957,763,262
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	14,276,104,028	8,334,432,737
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	350,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	45,098,672,704	68,345,272,065
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,349,590,438)	(43,349,590,438)
III. Hàng tồn kho	140	8	795,375,300,094	1,453,645,856,457
1. Hàng tồn kho	141		803,371,468,355	1,468,894,760,047
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,996,168,261)	(15,248,903,590)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		57,756,600,327	118,212,939,898
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3,137,882,820	2,809,402,170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		54,618,717,507	115,262,484,308
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	0	141,053,420

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		166,996,599,723	117,501,236,961
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8,522,609,350	4,243,538,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	284,750,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	8,522,609,350	3,958,788,000
II. Tài sản cố định	220		82,212,760,712	81,415,131,195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	21,145,378,604	19,911,562,483
<i>Nguyên giá</i>	222		47,369,651,321	47,715,449,212
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26,224,272,717)	(27,803,886,729)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	61,067,382,108	61,503,568,712
<i>Nguyên giá</i>	228		64,334,241,080	64,332,757,700
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,266,858,972)	(2,829,188,988)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		47,243,807,000	6,125,855,203
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	7,470,838,362	5,518,355,203
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39,772,968,638	607,500,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		29,017,422,661	25,716,712,563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4,331,278,468	6,788,441,662
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		14,613,671,116	14,613,671,116
3. Tài sản dài hạn khác	268		6,189,333,271	-
4. Lợi thế thương mại	269	13	3,883,139,806	4,314,599,785
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,321,610,857,805	2,405,055,202,067

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,262,264,080,013	1,480,206,789,049
I. Nợ ngắn hạn	310		1,257,705,450,586	1,475,740,328,122
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	597,600,576,658	700,329,642,878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	16,144,439,868	2,378,715,642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	39,130,999,817	27,815,993,434
4. Phải trả người lao động	314		13,823,608,884	17,119,964,495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	97,412,370,454	100,168,042,540
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	19,548,144,094	7,676,244,127
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	474,045,310,811	620,251,725,006
II. Nợ dài hạn	320		4,558,629,427	4,466,460,927
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	4,558,629,427	4,466,460,927
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,059,346,777,792	924,848,413,018
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,059,346,777,792	924,848,413,018
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19.1	431,517,470,000	419,517,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431,517,470,000	419,517,470,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.1	571,187,738,640	446,440,381,762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		402,976,863,051	281,983,343,273
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		168,210,875,589	164,457,038,489
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		1,280,744,902	3,529,737,006
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,321,610,857,805	2,405,055,202,067

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2020



 Trần Quế Tâm
Người lập biểu



 Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

 Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Quý II		Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20.1	2,356,748,734,644	1,372,871,569,395	2,585,443,063,700	2,017,957,574,497	3,654,806,805,407	2,629,391,514,043	8,596,998,603,751	6,020,220,657,935	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20.1	(46,033,588,263)	(1,077,190,844)	(1,971,737,641)	(11,429,872,129)	(30,532,521,799)	(14,843,812,534)	(78,537,847,703)	-	27,350,875,507
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20.1	2,310,715,146,381	1,371,794,378,551	2,583,471,326,059	2,006,527,702,368	3,624,274,283,608	2,614,547,701,509	8,518,460,756,048	5,992,869,782,428	
4. Giá vốn hàng bán	11	21	(2,167,451,178,344)	(1,291,073,165,975)	(2,409,785,490,826)	(1,882,773,725,298)	(3,392,968,899,988)	(2,435,405,295,675)	(7,970,205,569,158)	-	5,609,252,186,948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143,263,968,037	80,721,212,576	173,685,835,233	123,753,977,070	231,305,383,620	179,142,405,834	548,255,186,890	383,617,595,480	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.2	14,373,516,472	11,684,023,215	24,931,354,606	12,630,172,615	20,806,711,141	21,342,665,154	60,111,582,219	45,656,860,984	
7. Chi phí tài chính	22	22	(12,636,189,420)	(11,865,111,712)	(5,723,833,766)	(18,042,870,158)	(12,002,124,713)	(19,040,261,604)	(30,362,147,899)	-	48,948,243,474
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(10,484,684,730)	(11,655,150,828)	(7,787,194,598)	(15,380,127,183)	(6,391,747,055)	(11,719,631,596)	(24,663,626,383)	-	38,754,909,607
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		1,155,463,131	1,355,091,710	682,758,590	1,423,657,054	1,278,310,446	1,182,277,543	3,116,532,167	3,961,026,307	
9. Chi phí bán hàng	25	23	(64,100,135,621)	(29,322,333,582)	(96,267,183,073)	(53,391,452,225)	(124,848,449,483)	(89,471,437,292)	(285,215,768,177)	(172,185,223,099)	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	(28,177,778,054)	(23,376,234,288)	(34,107,329,091)	(21,495,664,360)	(17,601,609,596)	(24,588,472,718)	(79,886,716,741)	(69,460,371,366)	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53,878,844,545	29,196,647,919	63,201,602,499	44,877,819,996	98,938,221,414	68,567,176,917	216,018,668,458	142,641,644,832	
12. Thu nhập khác	31	24	179,937,595	2,691,342,268	294,890,396	304,872,397	2,494,998,308	291,572,746	2,969,826,299	3,287,787,411	
13. Chi phí khác	32	24	(298,308,323)	(767,591,759)	(392,534,225)	(517,841,989)	(434,778,727)	(1,515,767,555)	(1,125,621,275)	(2,801,201,303)	
14. Lợi nhuận khác	40	24	(118,370,728)	1,923,750,509	(97,643,829)	(212,969,592)	2,060,219,581	(1,224,194,809)	1,844,205,024	486,586,108	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,760,473,817	31,120,398,428	63,103,958,670	44,664,850,404	100,998,440,995	67,342,982,108	217,862,873,482	143,128,230,940	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(8,976,581,875)	(6,632,161,193)	(14,977,705,457)	(9,399,345,354)	(25,810,943,376)	(16,704,677,573)	(38,765,230,708)	(32,736,184,120)	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44,783,891,942	24,488,237,235	48,126,253,213	35,265,505,050	75,187,497,619	50,638,304,535	169,097,642,774	110,392,046,820	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44,958,325,184	25,027,886,407	48,178,847,697	35,747,334,057	75,073,702,708	51,981,421,085	169,210,875,589	112,756,641,549	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(174,433,242)	(539,649,172)	(52,594,484)	(481,829,007)	113,794,911	(1,343,116,550)	(118,232,815)	(2,364,594,729)	
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70		1,074	598	1,120	855	1,746	1,244	3,912	2,698	


Trần Quốc Tâm
Người lập biểu


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		217,862,873,482	143,128,230,940
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4,573,585,522	3,551,499,343
- Các khoản dự phòng	03	-	7,252,735,329	11,708,933,522
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,350,468,809)	(55,316,815)
- Chi phí lãi vay	06		24,663,626,383	38,754,909,607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		235,496,881,249	197,088,256,597
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(441,773,332,563)	(305,082,213,583)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		665,523,291,692	470,361,818,007
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(93,885,301,694)	(49,878,162,374)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,128,682,544	493,483,574
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25,289,787,057)	(37,026,626,973)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38,322,841,392)	(26,900,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		303,877,592,781	249,056,555,248
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,701,473,175)	(1,044,536,800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,192,575,757	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		350,000,000	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(47,770,525,779)	(7,488,462,313)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,350,468,809	55,316,815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45,578,954,388)	(8,477,682,298)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	12,000,000,000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2,951,734,953,649	2,914,025,395,714
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,097,941,367,844)	(3,156,716,014,920)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43,000,278,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(177,206,692,195)	(242,690,619,206)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	81,091,946,198	(2,111,746,256)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	131,057,291,125	71,264,154,681
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	212,149,237,323	69,152,408,425

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2020



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 201- 203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 là 406 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 513).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Cuối kỳ	Đầu năm
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Mua bán thực phẩm Chăm sóc sức khỏe	Trước hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	90,15	90,15
(5) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	75.99	51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong kh12-15oản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	707,549,307	247,988,648
Tiền gửi ngân hàng & các khoản tương đương tiền	211,441,688,016	130,716,652,463
Tiền đang chuyển	-	92,650,014
TỔNG CỘNG	212,149,237,323	131,057,291,125

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công Ty Cổ Phần Thẻ Giới Di Động	192,022,937,622	174,606,533,671
Các khoản phải thu khách hàng khác	881,284,996,423	376,351,229,591
TỔNG CỘNG	1,073,307,934,045	550,957,763,262
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,002,035,723)	(10,002,035,723)
GIÁ TRỊ THUẦN	1,063,305,898,322	540,955,727,539

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Sức Bật	1,534,385,024	1,172,459,769
Trả trước cho người bán khác	12,741,719,004	7,161,972,968
TỔNG CỘNG	14,276,104,028	8,334,432,737

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1,696,731,078	209,318,123
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Khác	10,527,842,134	35,261,854,450
TỔNG CỘNG	45,098,672,704	68,345,272,065
Dự phòng phải thu khác	(33,347,554,715)	(33,347,554,715)
GIÁ TRỊ THUẦN	11,751,117,989	34,997,717,350
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	8,522,609,350	3,958,788,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Hàng hóa	783,476,012,809	1,238,065,904,775
Hàng gửi đi bán	8,045,020,237	4,871,741,860
Hàng mua đang đi đường	10,837,651,654	220,549,306,326
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,012,783,655	5,407,807,086
TỔNG CỘNG	803,371,468,355	1,468,894,760,047
Dự phòng HTK	(7,996,168,261)	(15,248,903,590)
GIÁ TRỊ THUẦN	795,375,300,094	1,453,645,856,457

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	2,719,967,059	2,749,382,170
Công cụ, dụng cụ	417,915,761	60,020,000
	3,137,882,820	2,809,402,170
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	314,626,690	958,757,324
Khác	4,016,651,778	5,829,684,338
	4,331,278,468	6,788,441,662

CÔNG TY CỔ PHẦN THÊ GIỚI SÒ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	22,510,497,438	5,034,390,889	17,257,724,241	2,912,836,644	47,715,449,212
Mua sắm	-	39,575,989	4,620,837,817	39,575,989	4,699,989,795
Giảm TSCĐ - Thanh lý	-	-	(5,045,787,686)	-	(5,045,787,686)
Số cuối kỳ	22,510,497,438	5,073,966,878	16,832,774,372	2,952,412,633	47,369,651,321
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1,272,384,807	3,712,456,169	3,293,262,630	8,278,103,606
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(9,185,923,757)	(2,852,503,901)	(12,972,083,733)	(2,793,375,338)	(27,803,886,729)
Thanh lý	-	-	5,661,861,211	-	5,661,861,211
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	(706,569,654)	(587,709,986)	(2,743,134,172)	(44,833,387)	(4,082,247,199)
Số cuối kỳ	(9,892,493,411)	(3,440,213,887)	(10,053,356,694)	(2,838,208,725)	(26,224,272,717)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	13,324,573,681	2,181,886,988	4,285,640,508	119,461,306	19,911,562,483
Số cuối kỳ	12,618,004,027	1,633,752,991	6,779,417,678	114,203,908	21,145,378,604

CÔNG TY CỔ PHẦN THÈ GIỚI SÔ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5,408,617,058	58,924,140,642	64,332,757,700
Mua sắm	-	1,483,380	1,483,380
Phân loại lại	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>5,408,617,058</u>	<u>58,925,624,022</u>	<u>64,334,241,080</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(2,829,188,988)	-	(2,829,188,988)
Khấu hao trong năm	(437,669,984)	-	(437,669,984)
Số cuối kỳ	<u>(3,266,858,972)</u>	<u>-</u>	<u>(3,266,858,972)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	<u>2,579,428,070</u>	<u>58,924,140,642</u>	<u>61,503,568,712</u>
Số cuối kỳ	<u>2,141,758,086</u>	<u>58,925,624,022</u>	<u>61,067,382,108</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.1	7,470,838,362	49.1	5,518,355,203
		<u>7,470,838,362</u>		<u>5,518,355,203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ mua lại các công ty con</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	5,752,799,715
Tăng trong năm	963,167,300
Số cuối kỳ	<u>6,715,967,015</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	(1,438,199,930)
Phân bổ trong năm	(1,394,627,279)
Số cuối kỳ	<u>(2,832,827,209)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	4,314,599,785
Số cuối kỳ	<u>3,883,139,806</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd.	123,477,845,246	205,407,232,123
Acer Incorporated	55,329,900,522	212,321,038,271
Nhà cung cấp khác	418,792,830,890	282,601,372,484
TỔNG CỘNG	<u>597,600,576,658</u>	<u>700,329,642,878</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
XIAOMI H.K Limited	5,508,036,658	-
Khác	10,636,403,210	2,378,715,642
TỔNG CỘNG	<u>16,144,439,868</u>	<u>2,378,715,642</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	49,620,420,200	48,228,930,892
Chi phí lãi vay	2,029,000,000	2,655,160,674
Chi phí hoạt động	45,762,950,254	49,283,950,974
TỔNG CỘNG	<u>97,412,370,454</u>	<u>100,168,042,540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÊ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38,926,413,701	27,484,024,385
Thuế thu nhập cá nhân	204,586,116	331,969,049
TỔNG CỘNG	39,130,999,817	27,815,993,434

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	-	
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	2,010,567,855	1,962,550,709
Phải trả khác	17,537,576,239	5,713,693,418
TỔNG CỘNG	19,548,144,094	7,676,244,127
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4,558,629,427	4,464,379,427
Khác		2,081,500
TỔNG CỘNG	4,558,629,427	4,466,460,927

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

17. VAY

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>VND Số cuối kỳ</i>
Vay ngân hàng	616,521,725,006	2,951,734,953,649	(3,094,211,367,844)	474,045,310,811
Vay khác	3,730,000,000	-	(3,730,000,000)	-
	620,251,725,006	2,951,734,953,649	(3,097,941,367,844)	474,045,310,811

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngày đến hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức bảo đảm</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	159,557,027,768	Ngày 04/11/2020 đến 07/12/2020	Từ 4.50 % đến 4.60%	Một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	94,322,626,536	Ngày 08/12/2020 đến 10/12/2020	5.00%	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP.HCM	119,526,967,875	Ngày 26/11/2020 đến 27/11/2020	4.80%	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh 1 TP.HCM	100,638,688,632	Ngày 27/12/2020 đến 09/01/2021	5.00%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	474,045,310,811			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÒ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

17. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay khác được trình bày như sau:

		Đến tháng 12 năm 2020	6.0%	Tín chấp
Vay cá nhân	-			
TỔNG CỘNG	474,045,310,811			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	407,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	302,649,951,576	765,528,245,826
Phát hành cổ phiếu ESOP	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112,756,641,549	112,756,641,549
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2019	<u>419,517,470,000</u>	<u>61,233,761,416</u>	<u>(6,272,937,166)</u>	<u>400,000,000</u>	<u>415,406,593,125</u>	<u>890,284,887,375</u>
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	419,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	446,440,381,762	921,318,676,012
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	12,000,000,000	-	-	-	-	12,000,000,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	168,210,875,589	168,210,875,589
Mua thêm từ lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(463,240,711)	(463,240,711)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(43,000,278,000)	(43,000,278,000)
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2020	<u>431,517,470,000</u>	<u>61,233,761,416</u>	<u>(6,272,937,166)</u>	<u>400,000,000</u>	<u>571,187,738,640</u>	<u>1,058,066,032,890</u>

(*) Vào ngày 06 tháng 04 năm 2020, Công ty đã phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 12.000.000.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2020. Vào ngày 24 tháng 04 năm 2020, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 431.517.470.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	43,151,747	41,951,747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	43,151,747	41,951,747
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43,151,747	41,951,747
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	43,000,278	41,800,278
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43,000,278	41,800,278

19. DOANH THU**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	8,596,998,603,751	6,020,220,657,935
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,596,998,603,751	6,020,220,657,935
 Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại	(78,537,847,703)	(27,350,875,507)
 DOANH THU THUẦN	8,518,460,756,048	5,992,869,782,428

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	84,483,646	55,316,815
Lãi chênh lệch tỷ giá	28,214,747,677	11,329,912,585
Chiết khấu thanh toán được hưởng	30,596,697,634	33,855,705,445
Khác	1,215,653,262	415,926,139
TỔNG CỘNG	60,111,582,219	45,656,860,984

CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Giá vốn của hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	7,970,205,569,158	5,609,252,186,948
TỔNG CỘNG	7,970,205,569,158	5,609,252,186,948

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí lãi vay	24,663,626,383	38,754,909,607
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5,500,408,805	9,467,868,646
Khác	198,112,711	725,465,221
TỔNG CỘNG	30,362,147,899	48,948,243,474

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng	285,215,768,177	172,185,223,099
Chi phí nhân viên	36,150,940,846	38,129,398,162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32,027,004,128	15,783,969,420
Chi phí bằng tiền khác	217,037,823,203	118,271,855,517
Khác	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	79,886,716,741	69,460,371,366
Chi phí nhân viên	31,817,275,914	24,447,237,387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,510,834,219	13,469,598,336
Chi phí bằng tiền khác	38,558,606,608	31,543,535,643
Khác	-	-
TỔNG CỘNG	365,102,484,918	241,645,594,465

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN/HH

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	2,969,826,299	3,287,787,411
Thu nhập khác	2,969,826,299	3,287,787,411
Chi phí khác	1,125,621,275	2,801,201,303
Các khoản chi phí khác	1,125,621,275	2,801,201,303
LỢI NHUẬN THUẦN	1,844,205,024	486,586,108

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	7,970,205,569,158	5,609,252,186,948
Chi phí nhân công	67,968,216,760	62,576,635,549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,573,585,522	3,551,499,343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41,537,838,347	29,253,567,756
Chi phí bằng tiền khác	251,022,844,289	146,263,891,817
	8,335,308,054,077	5,850,897,781,413

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	217,862,873,482	143,128,230,940
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	43,572,574,696	28,625,646,188
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗi tính thuế từ công ty con	401,196,349	1,540,852,302
Khác	5,791,459,663	2,569,685,630
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49,765,230,708	32,736,184,120

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SÓ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
		VND
Lương và thưởng	589,983,187	321,391,125

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	168,210,875,589	112,756,641,549
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	43,000,278	41,800,278
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	3,912	2,698

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ này và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 09 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
		VND
Dưới 1 năm	17,616,564,544	11,894,215,260
Từ 1 đến 5 năm	33,030,458,362	27,441,960,000
Trên 5 năm	15,495,480,000	18,782,400,000
TỔNG CỘNG	66,142,502,906	58,118,575,260

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Quốc Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc